TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 5- 6-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Trần Văn Trọng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Hoàn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 7 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Đ- sinh năm: 1979

Địa chỉ: 31Ô1 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn S- sinh năm: 1970

Địa chỉ: 31Ô1 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phan Thị Đ trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, vào năm 2001, bà Phan Thị Đ và ông Phạm Văn S tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 14-11-2002.

Qúa trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan

điểm sống, ông S thường đi uống rượu về có lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm và đánh đập bà Đ. Bà Đ nhiều lần cho ông S cơ hội để sửa đổi những khuyết điểm của bản thân nhưng ông S không thay đổi. Vì vậy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, mặc dù còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không có sự yêu thương, chăm sóc và chia sẽ lẫn nhau. Nay, bà Đ xác định vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Thu M, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2002 và Phạm Thị Thu K, sinh ngày 5 tháng 8 năm 2009. Nay, nếu ly hôn thì bà Đ yêu cầu nuôi cháu K và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu M hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác định hai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Văn S trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trình bày như S:

Ông S và bà Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001. Qúa trình chung sống thì vợ chồng cũng có xảy ra một số mâu thuẫn như tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống và do ông S nghi ngờ bà Đ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên thường ghen tuông thể hiện là mỗi lần đi uống rượu về có lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm và đánh đập bà Đ. Nay, ông S đã nhìn nhận khuyết điểm của bản thân, hứa sẽ sửa đổi và đề nghị đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông S xác định vợ chồng có 02 con chung như bà Đ trình bày ở trên. Nay, nếu ly hôn thì ông S yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông S xác định vợ chồng không có tài sản chung. Đối với thửa đất số 699 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại thị trấn M là tài sản riêng của bà Đ có nguồn gốc do cha mẹ bà Đ cho, ông S không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông S xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Văn S hiện nay có nơi sinh sống, làm việc tại huyện Đ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Phạm Văn S đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng lần thứ hai có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Đ và ông Phạm Văn S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Ngãi, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Đ và ông S đều xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông S nghi ngờ bà Đ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên thường uống rượu về ghen tuông, chửi mắng, đánh đập vợ mình.Vì vậy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, dù hiện nay đang sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn; ông S không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm yêu thương bà Đ.

Qúa trình Tòa án giải quyết đã xác minh chính quyền địa phương thì được biết vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau là có thật. Tuy nhiên, về hành vi đánh đập thì chưa đưa đến Công an địa phương trình báo nên không lập hồ sơ giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét, bà Đ và ông S xảy ra mâu thuẫn trong một thời gian dài, do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống đồng thời ông S có hành vi đánh đập, chửi mắng bà Đ là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng theo Điều 19, Điều 21 của Luật hôn nhân và gia đình quy định. Do vậy, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

[2.2] **Về con chung**: Bà Đ và ông S xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu tên Phan Thị Thu M, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2002 và Phạm Thị Thu K, sinh ngày 5 tháng 8 năm 2009. Nay, cháu Mai đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K, cả hai vợ chồng đều yêu cầu trực tiếp nuôi con. Xét, bà Đ có nhà, nơi ở ổn định, có điều kiện để quan tâm, chăm sóc đảm bảo về

sức khỏe, vật chất, tinh thần đồng thời theo nguyện vọng của cháu K là mong muốn được sống trực tiếp với mẹ. Do đó, giao cháu K cho bà Đ được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà Đ và ông S đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phạm Văn S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Phan Thị Đ ly hôn với ông Phạm Văn S.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao con chung là cháu tên Phạm Thị Thu K, sinh ngày 5 tháng 8 năm 2009 cho bà Phan Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Đ và ông S đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

- Bà Phan Thị Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2019/0002404 ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Hoàn trả cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí còn lại là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Ông Phạm Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã An Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền